



Số: *187*/2016/IBSCHN-QTRR

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

(Phụ lục số 04 Thông tư 155/2015/TT-BTC)



Hà Nội, tháng 03/2016

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Giấy phép thành lập và hoạt động:	số 70/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 10/12/2007
Vốn điều lệ:	667.622.970.000 VND
Địa chỉ:	Tầng 8, số 52 Phố Lê Đại Hành - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội
Số điện thoại:	(04) 4456 8888
Fax:	(04) 3978 5379
Website:	www.ibsc.vn
Mã cổ phiếu	VIX

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (gọi tắt là IBSC hay Công ty) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chính thức cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã VIX từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Năm 2011, Công ty được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành (theo Giấy phép số 30/GPĐC-UBCK ngày 6/5/2011) và chuyển trụ sở chính từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội (theo Giấy phép số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/7/2011).

Năm 2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán IB (theo Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 21/05/2014) và chuyển trụ sở về tầng 8, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ngày 20/10/2015, UBCKNN đã ban hành Quyết định số 892/QĐ-UBCK chấp thuận cho IBSC thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh tại địa chỉ tầng 17 số 180-192 đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

IBSC hiện là thành viên giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) và thành viên giao dịch trái phiếu chính phủ của HNX.

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

#### a. Ngành nghề kinh doanh

IBSC được UBCKNN cấp phép để thực hiện các nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán,
- Tự doanh chứng khoán,
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

IBSC được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.

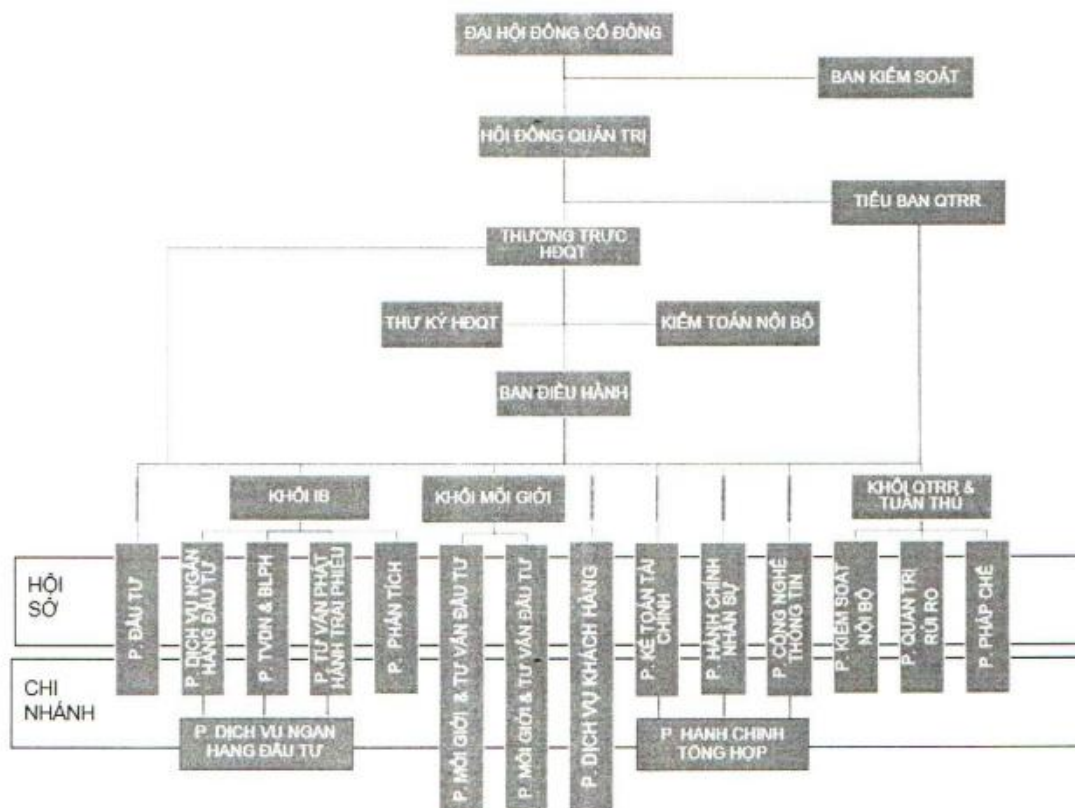
b. Địa điểm kinh doanh

Trụ sở chính: tầng 8, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chi nhánh Hồ Chí Minh: tầng 17, số 180-192 Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức của công ty



Chức năng và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty được quy định rõ tại Điều lệ của Công ty. Chức năng và nhiệm vụ của các Khối, phòng ban được quy định tại Quy định ban hành theo nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐQT của HĐQT ngày 29/01/2016.

b. Các công ty con, công ty liên kết

IBSC có 01 công ty con và không có công ty liên kết. Thông tin về công ty con của IBSC như sau:

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB**

Giấy phép thành lập và hoạt động: số 29/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 03/03/2008.

Trụ sở chính: tầng 8, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ: 57.250.000.000 VND.

Tỷ lệ sở hữu của IBSC: 77,73%.



#### 4. Định hướng phát triển

##### a. Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty xác lập định hướng phát triển trở thành một định chế tài chính chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán, có qui mô lớn về vốn, chiếm thị phần trong các mảng dịch vụ chứng khoán.

##### b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư chiều sâu về đội ngũ nhân viên và hệ thống công nghệ thông tin giao dịch chứng khoán, kết hợp với việc tăng sức mạnh tài chính bằng việc tăng qui mô vốn chủ sở hữu. Có như vậy Công ty mới theo đuổi được định hướng phát triển như trên. Đội ngũ nhân viên tinh nhuệ cho phép Công ty thực hiện được đầy đủ và hiệu quả các nghiệp vụ chứng khoán. Có hạ tầng công nghệ thông tin tốt để thu hút và phục vụ được mạng lưới khách hàng rộng khắp với chi phí thấp.

##### c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty xác định phát triển bền vững trên cơ sở xác lập các giá trị doanh nghiệp ổn định bao gồm vốn tài sản, vốn con người và văn hoá công ty. Trước hết, trong ngắn hạn cần xây dựng hệ thống quản trị minh bạch cao nhất có thể, đáp ứng được đầy đủ các qui định của công ty đại chúng. Đây chính là nền tảng đảm bảo cho cộng đồng nhà đầu tư tin tưởng vào hoạt động của công ty, giúp cho cổ phiếu của công ty được tăng trưởng bền vững, ổn định. Minh bạch cũng là một nội dung trong hoạt động xây dựng văn hoá công ty.

#### 5. Các rủi ro

Các loại rủi ro sau có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và việc thực hiện mục tiêu kinh doanh của IBSC bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý. Trong năm 2015, mặc dù thị trường có nhiều biến động bất thường, nhất là vào thời điểm cuối năm, nhưng nhờ thực hiện tốt việc quản trị các loại rủi ro trên nên không phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của IBSC.

##### a. Rủi ro thị trường

*Rủi ro thị trường* là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Tại IBSC rủi ro thị trường có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động tự doanh của IBSC. Giá chứng khoán thay đổi ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của hoạt động tự doanh. IBSC thực hiện các biện pháp sau để quản trị rủi ro thị trường:

- Đa dạng hóa danh mục đầu tư;
- Áp dụng các hạn mức rủi ro cho từng khoản đầu tư, danh mục đầu tư;
- Phân cấp, phân hạn mức quyết định tới từng cấp quản lý trong công ty;
- Theo dõi, giám sát hàng ngày mức độ rủi ro của từng nghiệp vụ để đưa ra các quyết định kịp thời khi rủi ro xảy ra.

##### b. Rủi ro thanh toán

*Rủi ro thanh toán* là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán ảnh hưởng chính đến hoạt động giao dịch ký quỹ của IBSC. Để giảm thiểu loại rủi ro này, IBSC đã áp dụng các biện pháp sau:

- Quy định về hạn mức rủi ro cho từng khách hàng, nhóm khách hàng;
- Quy định tỉ lệ kỳ quỹ, cho vay đối với từng mã chứng khoán;
- Định kỳ đánh giá lại rủi ro của danh mục cho vay, rủi ro cho vay đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng;
- Theo dõi, giám sát tỉ lệ kỳ quỹ, tỉ lệ cho vay hàng ngày và có chế độ cảnh báo khi tài khoản có dấu hiệu mất khả năng thanh toán.

*c. Rủi ro thanh khoản*

*Rủi ro thanh khoản* là rủi ro xảy ra khi IBSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro thanh khoản tác động trực tiếp đến hoạt động nguồn vốn của IBSC. Để giảm thiểu loại rủi ro này, IBSC luôn chú trọng duy trì số dư tiền mặt và hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức hiệu quả, hợp lý để đảm bảo thanh khoản cho Công ty.

*d. Rủi ro hoạt động*

*Rủi ro hoạt động* là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

IBSC trong năm 2015 đã đầu tư vào hệ thống công nghệ mới bao gồm cả hệ thống dự phòng như ảo hóa, điện dự phòng, sao lưu dữ liệu ..... Hệ thống đã hoạt động rất ổn định trong năm và không phát sinh các rủi ro trọng yếu trong lĩnh vực này.

Để hạn chế lỗi do con người gây ra trong quá trình tác nghiệp, IBSC đã chú trọng từ khâu tuyển dụng đến khâu đào tạo nghiệp vụ để giảm các sai sót trong quá trình làm việc của các nhân viên. Ngoài ra trong những công việc quan trọng, IBSC áp dụng cơ chế nhập – duyệt – kiểm soát lại để hạn chế tối đa các lỗi này bao gồm cả kiểm tra trước, kiểm tra chéo và kiểm tra sau để hạn chế rủi ro phát sinh.

Đối với rủi ro từ vốn, do quản trị tốt các rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản nên các rủi ro này cũng được quản trị một cách hiệu quả.

*e. Rủi ro pháp lý*

*Rủi ro pháp lý* là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Công ty có bộ phận pháp chế phụ trách mọi vấn đề liên quan đến luật. Bộ phận pháp chế có trách nhiệm cập nhật tất cả các văn bản mới ban hành/ văn bản sửa đổi/ bổ sung liên quan, soạn thảo các hợp đồng và tham gia đóng góp ý kiến vào các quy trình/quy chế của công ty, đề xuất về các sửa đổi văn bản nội bộ theo những thay đổi khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán. Bộ phận giám sát tuân thủ luôn được tiến hành triển khai theo dõi toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ nhằm phát hiện kịp thời các lỗi phát sinh. Thực hiện báo cáo và xử lý nhanh các lỗi đó.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### *a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm*



Kết quả hoạt động kinh doanh của IBSC được trình bày trong bảng sau:

*Bảng 1. Kết quả hoạt động kinh doanh*

STT	Chi tiêu	2014 VND	2015 VND	Tăng giảm (%)
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	139.382.082.855	166.167.910.284	19,22%
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	27.831.880.170	57.999.182.822	108,39%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	111.550.202.685	108.168.727.462	-3,03%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.507.845.782	22.988.335.379	70,19%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	98.042.356.903	85.180.392.083	-13,12%
6	Lợi nhuận/(Lỗ) khác	(367.780.195)	3.528.383.104	
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.674.576.708	88.708.775.187	-9,18%
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.350.674.205	15.208.820.577	-17,12%
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất		73.499.954.61	
	Phân bổ lợi nhuận sau thuế:			
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	79.323.902.503	71.244.365.633	-10,18%
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.255.588.977	

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015)

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2015 được đánh giá là kém thuận lợi hơn so với năm trước, IBSC vẫn đạt được kết quả kinh doanh tương đối khả quan, với tổng doanh thu đạt 166 tỷ đồng (tăng 19% so với năm trước) và lợi nhuận sau thuế của IBSC đạt 71,24 tỷ đồng (giảm 10,18% so với năm trước). Kết quả này đạt được là nhờ trong năm 2015, IBSC đã thực hiện những bước tiến nhằm đẩy mạnh thay đổi chiến lược như sau:

- **Tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính:** Trong năm 2015, IBSC đã thực hiện tăng vốn lên trên 667 tỉ thông qua việc chào bán cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên Công ty và trả cổ tức bằng cổ phiếu. Việc tăng vốn giúp cho IBSC nâng cao năng lực tài chính phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động môi giới, bảo lãnh phát hành, tự doanh. Đồng thời, việc tăng vốn cũng giúp IBSC chuẩn bị để tiến hành những bước tăng vốn tiếp theo nhằm đáp ứng yêu cầu về vốn tối thiểu để thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh theo quy định tại Nghị định 42/2015/NĐ-CP.
- **Tập trung đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi giới chứng khoán.** Từ tháng 5/2015, IBSC đã đưa vào hoạt động hệ thống core của Tong Yang, giúp đem lại nhiều tiện lợi cho khách hàng như: kết nối nhanh và ổn định, băng điện tử nhanh, tích hợp phân tích kỹ thuật, giao dịch qua máy tính, máy tính bảng, điện thoại, thông báo qua SMS và Email. Cũng trong năm 2015, IBSC đã mở chi nhánh ở TP.HCM để mở rộng địa bàn hoạt động môi giới. Về sản phẩm, IBSC cũng đã cung cấp cho khách hàng dịch vụ giao dịch ký quỹ với trên 250 mã cổ phiếu (nằm trong danh sách được phép giao dịch ký quỹ), với mức lãi suất cạnh tranh.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 2: Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2015 so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỉ lệ thực hiện
1	Vốn điều lệ	669,900,000,000	667,622,970,000	99.66%
2	Doanh thu	197,020,000,000	166,167,910,285	84.34%
3	Lợi nhuận trước thuế	118,360,000,000	88,708,775,187	74.95%
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	26,039,000,000	15,208,820,577	58.41%
5	Lợi nhuận sau thuế	92,321,000,000	71.244.365.633	77,17%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,844	1,382	74.95%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015)

Năm 2015, trong các kế hoạch do ĐHCĐ giao, duy nhất chỉ tiêu tăng vốn điều lệ được hoàn thành. Các chỉ tiêu khác như doanh thu chỉ hoàn thành 84,3% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 74,9% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do IBSC đã xây dựng kế hoạch dựa trên kịch bản lạc quan của thị trường, trong khi trên thực tế thị trường chứng khoán năm 2015 đã có những diễn biến bất lợi cho hoạt động đầu tư và hoạt động dịch vụ khách hàng.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành

Ban điều hành công ty, tại thời điểm 31/12/2015 gồm hai thành viên:

- Bà Cao Thị Hồng – Tổng Giám đốc;
- Ông Đặng Văn Tân – Phó Tổng Giám đốc.

Thông tin về các thành viên Ban điều hành như sau:

**Bà Cao Thị Hồng - Tổng giám đốc**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 572.000 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,86%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1991-1995	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính Ngân hàng	Cử nhân
2006-2008	Trường Paris Dauphine – ESCP Europe	Tài chính Ngân hàng	Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
1995 – 1998	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Chuyên Viên Phòng Kế Toán
1999 – 2000	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Kế Toán Trưởng – Chi nhánh HCM



Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2001 – 2002	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Trưởng Phòng Nguồn Vốn và Kinh doanh ngoại tệ
2002 – 2003	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Giám Đốc Chi nhánh Cầu Giấy
2003 – 2006	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Giám Đốc Tài Chính
2006 – 2011	Công ty CP Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam	Phó Tổng Giám Đốc
2011 – 2013	Ngân hàng Techcombank	Giám Đốc Kinh Doanh Miền Bắc, khối DVTC cá nhân
2013 – 2014	Ngân Hàng Quân Đội	Phó Giám Đốc Khối Đầu tư
2014 – nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Tổng Giám Đốc

**Ông Đặng Văn Tân - Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1992-1996	Trường Đại học Sư Phạm TP HCM	Tiếng Anh	Cử nhân
2008-2010	Trường Columbia Southern University	Quản trị Kinh doanh	Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
1996-2001	Công ty du lịch Saigontourist	Nhân viên điều hành du lịch
2002-2006	Công ty Bảo hiểm nhân thọ AIA	Phó trưởng kinh doanh khu vực TP HCM
2007-2009	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	Trưởng phòng Giao dịch, Phòng giao dịch Hồng Bàng
2009-2011	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Giám đốc Chi nhánh Nguyễn Công Trứ
2011-2015	Công ty CP Chứng khoán VNDirect	Thành viên điều hành Khối Môi giới
2015 – nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

**Bà Trần Thị Hồng Hà - Quyền Kế toán trưởng**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 44.000 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,07%



Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1997-2001	Trường Đại học Quản lý & Kinh doanh Hà Nội	Tài chính Kế toán	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2002 – 2003	Công ty TNHH Quảng Độ	Kế Toán Tổng Hợp
2003 – 2007	Công ty Yamaha Motor Việt Nam	Chuyên Viên Kế Toán
2007 – 2011	Công ty CP Chứng khoán Mê Kông	Phó Phòng Dịch Vụ Khách Hàng
2011 – 03/2012	Công ty CP Chứng khoán Xuân Thành (nay là Công ty CP Chứng khoán IB)	Trưởng Phòng Dịch Vụ Khách Hàng
04/2012 – 09/2014	Công ty CP Chứng khoán Xuân Thành (nay là Công ty CP Chứng khoán IB)	Trưởng Phòng Kiểm Soát Nội Bộ
10/2014 – nay	Công ty CP Chứng khoán Xuân Thành (nay là Công ty CP Chứng khoán IB)	Phụ trách Phòng Kế Toán

b. Những thay đổi trong Ban điều hành

Tháng 09/2015, IBSC đã bổ nhiệm ông Đặng Văn Tân vào vị trí Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh.

c. Chính sách đối với người lao động

Đến thời điểm 31/12/2015, IBSC có 67 nhân viên (vào thời điểm 31/12/2014 IBSC có 35 nhân viên). Người lao động làm việc tại IBSC được hưởng các chính sách sau:

- Ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;
- Đóng bảo hiểm, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật;
- Hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về ốm đau, thai sản;
- Khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần theo quy định của IBSC;
- Hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật;
- Hưởng các loại phụ cấp như ăn trưa, phụ cấp điện thoại theo vị trí công việc, phụ cấp đi lại, may đồng phục ...;
- Được hưởng chính sách khen thưởng theo kết quả làm việc và theo quy định của IBSC;
- Được mua cổ phần với giá ưu đãi.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

a. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2015, IBSC đã thực hiện các khoản đầu tư lớn sau:

- Chuyển đổi trụ sở chính Công ty: ngày 14/01/2015 UBCKNN đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK đồng ý cho IBSC chuyển trụ sở về tầng 8, số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

- Mở Chi nhánh HCM: ngày 26/10/2015 UBCKNN đã ban hành Quyết định số 892/QĐ-UBCK về việc chấp thuận cho IBSC thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh tại địa chỉ tầng 17 số 180-192 đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh;
- Đổi core giao dịch: ngày 03/05/2015 Hệ thống giao dịch mới của IBSC với tên là IB Home Trading system, IB Mobi Trading System, HTS, BOS đã chính thức đi vào hoạt động;
- Mua công ty QLQ IB: ngày 26/06/2015 UBCKNN đã ban hành Quyết định số 536/QĐ-UBCK về việc chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty QLQ IB (tên cũ là Công ty QLQ GPFund) theo đó IBSC sở hữu 2.225.000 cổ phần (chiếm 74,17% vốn điều lệ). Công ty QLQ IB trở thành công ty con của IBSC.

*b. Các công ty con, công ty liên kết*

Trong năm, Công ty tiến hành các thủ tục để mua cổ phần tương đương 74,14% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dầu khí Toàn Cầu (nay là Công ty Cổ phần quản lý quỹ IB hay IBFM), một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày 26/06/2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 536/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận giao dịch chuyển nhượng mua cổ phần này. Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB bao gồm quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại công văn số 22/GPĐC-UBCK cấp ngày 03/09/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận việc đổi tên và tăng vốn của Công ty Cổ phần quản lý quỹ IB lên 57.250.000.000 đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tăng lên 77.73%.

*Bảng 3: Kết quả hoạt động kinh doanh IBFM năm 2015 (đơn vị tính: VND)*

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay
1. Doanh thu	1	21,619,999
<b>2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21,619,999</b>
3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	87,375,000
<b>4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>- 65,755,001</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11,970,728,240
6. Chi phí tài chính	22	949,446,947
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	826,456,409
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}</b>	<b>30</b>	<b>10,129,069,883</b>
9. Thu nhập khác	31	708
10. Chi phí khác	32	696,200
<b>11. Lãi khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>695,492</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>10,128,374,391</b>
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>10,128,374,391</b>
<b>15. Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>70</b>	<b>2,122</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính IBFM năm 2015 đã kiểm toán.*



#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

Bảng 6: Tình hình tài chính IBSC năm 2015

Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	94,95%	
Tổng giá trị tài sản	434,715,221,951	923,280,692,982	112%
Doanh thu	139,382,082,855	154,419,281,236	11%
Thuế và các khoản phải nộp	18,350,674,205	15,208,820,577	-17%
Lợi nhuận trước thuế	97,674,576,708	79,335,029,227	-19%
Lợi nhuận sau thuế	79,323,902,503	64,126,208,650	-19%

##### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 7: Tình hình tài chính IBSC năm 2015

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	9,24	6,61
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,39	6,60
	(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		Không áp dụng	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	10,53	17,69
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,77	21,48
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	Vòng quay hàng tồn kho		Không áp dụng	
	Giá vốn bán hàng/hàng tồn kho bình quân		Không áp dụng	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	31,70	16,73
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	57,56	41,53
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,39	8,44
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	18,25	6,95
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	71,14	62,95

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

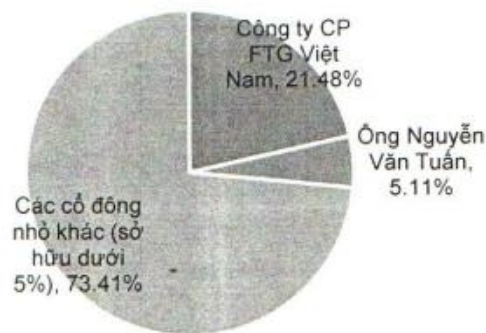
### a. Cổ phần

Tổng số cổ phần của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015 là: 66.762.297 cổ phần tương ứng vốn điều lệ của công ty là: 667.622.970.000 đồng (bằng chữ: sáu trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 693.000 cổ phần, là số cổ phần chào bán cho người lao động của công ty theo chương trình ESOP năm 2015, thời gian hạn chế chuyển nhượng đến ngày 07/05/2016.

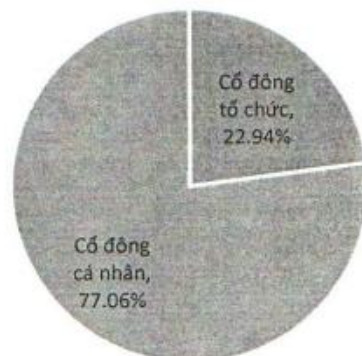
### b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tiêu chí lớn - nhỏ

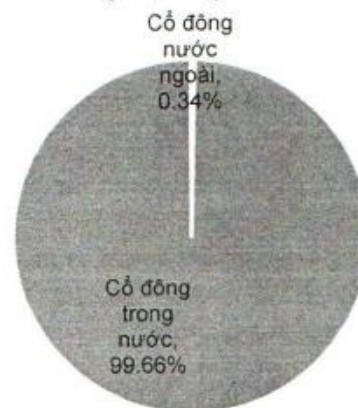


Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 07/10/2015.

Cơ cấu cổ đông phân theo tổ chức - cá nhân



Cơ cấu cổ đông phân theo nước ngoài, trong nước



Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 07/10/2015.



*Danh sách cổ đông lớn:*

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	Công ty CP FTG Việt Nam	14.343.790	21,48%
2	Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.410.000	5,11%

*c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Trong năm 2015, IBSC đã thực hiện thành công 02 lần tăng vốn như sau:

Lần1: Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên IBSC.

Ngày 08/05/2015 Công ty đã chào bán thành công 30.693.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng lên thành 606.930.000.000. Trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu 300.000.000.000 đồng, phát hành cho cán bộ công nhân viên công ty (ESOP) là 6.930.000.000 đồng

Lần 2: Trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu.

Ngày 07/10/2015 IBSC hoàn thành việc trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, số cổ phiếu trả cổ tức là: 6.069.297 CP, tương ứng với số tiền tăng vốn lần 2 là: 6.069.297 CP x10.000 đồng/CP= 60.692.970.000 đồng. Do đó vốn đầu tư của chủ sở hữu sau khi trả cổ tức là: 667.622.970.000 đồng.

*d. Giao dịch cổ phiếu quỹ*

IBSC không sở hữu cổ phiếu quỹ và không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2015.

*e. Các chứng khoán khác*

Ngoài 02 đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn như đã ghi tại mục c nêu trên, trong năm 2015 IBSC không thực hiện các đợt phát hành chứng khoán khác.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

*a. Chính sách liên quan đến người lao động*

Số lượng lao động trung bình trong năm 2015: 50 người.

Mức lương trung bình đối với người lao động: 16.000.000 VND.

Trong năm 2015, IBSC áp dụng các chính sách sau để bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Khám bệnh định kỳ cho toàn bộ nhân viên của IBSC;
- Được hưởng phụ cấp ăn trưa, phụ cấp điện thoại theo vị trí công việc;
- Chế độ nghỉ ốm, nghỉ thai sản, phụ cấp ốm đau, sinh con, sinh nhật.... ;
- May đồng phục công ty;
- Tham gia các hoạt động chung của IBSC như du xuân, nghỉ mát, teambuilding ....;
- Tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ.

*b. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Là một tổ chức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, IBSC luôn chú trọng đến sự phát

triển bền vững, gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội. Ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật chuyên ngành, IBSC luôn nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật khác có liên quan như: pháp luật về thuế, lao động, bảo hiểm,...

Mức đóng góp thuế của IBSC vào Ngân sách nhà nước năm 2015:

Chi tiêu	Số tiền đã nộp năm 2015 (đồng)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.715.327.689
Thuế Thu nhập cá nhân	1.985.340.542

IBSC luôn tạo dựng môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên với chế độ phúc lợi cao nhất, cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhằm thu hút người tài và tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ nhân viên phát triển.

Ngoài ra, IBSC cũng luôn chú tâm đến các chương trình tài trợ nhằm đóng góp cho sự phát triển chung của địa phương.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a. Mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2015:

Năm 2015, IBSC hoàn thành 84% kế hoạch doanh thu và 74,9% kế hoạch lợi nhuận đã đặt ra. Theo đánh giá của Ban điều hành, việc không hoàn thành kế hoạch là do những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, như sau:

##### Nguyên nhân khách quan:

Thị trường chứng khoán năm 2015 đã có những diễn biến không thuận lợi, với thanh khoản sụt giảm 16% và thị trường ít có những đợt tăng giá mạnh. Những nguyên nhân là:

- **Tác động hạn chế dòng vốn vào thị trường chứng khoán của Thông tư 36:** Theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN được ban hành từ tháng 11/2014, chỉ những ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% mới được phép cho vay kinh doanh cổ phiếu và tỷ lệ cho vay đầu tư kinh doanh cổ phiếu bị giới hạn ở mức 5% vốn điều lệ. Do vậy, nguồn vốn dùng để cho vay giao dịch kỳ quỹ từ các ngân hàng vào thị trường chứng khoán khá hạn chế.
- **Tác động từ việc khối ngoại bán ròng trong những tháng cuối năm.** Trong năm 2015, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 2.395 tỷ đồng trên thị trường niêm yết. Tuy nhiên, nhà đầu tư nước ngoài chỉ mua ròng trong 7 tháng đầu năm và bán ròng mạnh trong 5 tháng cuối năm. Việc bán ròng mạnh của khối ngoại trong những tháng cuối năm có thể liên quan đến việc dòng vốn ở các nước mới nổi chảy về nước Mỹ với việc FED tăng lãi suất lần đầu tiên sau 7 năm duy trì lãi suất ở mức 0%.
- **Tác động từ dòng vốn bị hút vào trong các cuộc đấu giá thoái vốn của doanh nghiệp Nhà nước.** Tính đến hết tháng 11/2015, khoảng 14.261 tỷ đồng đã được hấp thụ vào trong các đợt IPO và thoái vốn của doanh nghiệp nhà nước. Về cơ bản, dòng vốn tham gia vào các thương vụ thoái vốn của doanh nghiệp nhà nước này đã góp phần làm hạn chế dòng vốn chảy vào thị trường niêm yết, hoặc thậm chí một phần vốn từ thị trường niêm yết có thể đã chảy ra ngoài để tham gia vào các thương vụ đấu giá.

##### Nguyên nhân chủ quan:

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, việc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015 của IBSC còn do những nguyên nhân chủ quan từ phía công ty.



- **Khó khăn trong việc tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng:** Là một công ty nhỏ trong ngành chứng khoán, IBSC cũng chịu áp lực cạnh tranh lớn trong kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh từ những công ty chứng khoán có thị phần lớn. Điều này dẫn đến việc IBSC khó tiếp cận được với nguồn vốn từ ngân hàng với lãi suất hợp lý, để cung cấp cho dịch vụ giao dịch ký quỹ, đặc biệt là trong bối cảnh các công ty chứng khoán phải cạnh tranh trong việc tiếp cận nguồn vốn cho vay đầu tư chứng khoán từ ngân hàng đang bị hạn chế bởi Thông tư 36/2014-NHNN.
- **Khó khăn trong việc tuyển dụng nhân viên môi giới:** Theo kế hoạch năm 2015, IBSC sẽ tuyển dụng thêm nhiều nhân viên môi giới có kinh nghiệm để đẩy mạnh doanh thu dịch vụ khách hàng. Tuy nhiên, do cạnh tranh nhân sự môi giới trong ngành cao, nên IBSC đã không tuyển dụng được số lượng môi giới cần thiết để thực hiện kế hoạch phát triển năm 2015.

*b. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2015*

Mặc dù gặp một số khó khăn từ những diễn biến bất lợi của thị trường chứng khoán trong năm 2015, và áp lực cạnh tranh từ những công ty chứng khoán khác, IBSC vẫn nỗ lực kiện toàn hệ thống và đạt được một số thành tựu nhất định trong các lĩnh vực môi giới, dịch vụ tài chính, bảo lãnh phát hành và tư vấn.

- **Về hoạt động môi giới,** doanh thu phí giao dịch của IBSC trong năm 2015 đạt 7,09 tỷ đồng, tăng 215% so với năm trước. Trong năm 2015, IBSC đã mở mới được 152 tài khoản, nâng tổng số tài khoản tại IBSC lên 16.028 tài khoản. Tổng giá trị giao dịch của IBSC trong năm đạt 6.601 tỷ đồng, chiếm 0,5% thị phần giao dịch cổ phiếu toàn thị trường.
- **Về hoạt động dịch vụ tài chính,** doanh thu dịch vụ tài chính của IBSC năm 2015 đạt 8,4 tỷ đồng, trong khi con số này trong năm 2014 chỉ là 580 triệu đồng (tăng 14 lần).
- **Về hoạt động bảo lãnh phát hành và tư vấn:** Tổng doanh thu bảo lãnh phát hành và tư vấn đạt 12,6 tỷ đồng, tăng 264% so với năm trước. Trong năm 2015, IBSC đã thực hiện một số hợp đồng tư vấn và bảo lãnh phát hành với các đối tác như: Sotrans, Refico, QBS,...
- **Về công nghệ thông tin,** IBSC đã đưa vào hoạt động hệ thống core của Tong Yang từ tháng 5/2015, giúp cho việc kết nối với các sở giao dịch được nhanh và ổn định, đồng thời đem lại nhiều tiện ích gia tăng cho khách hàng như: bảng giá điện tử tích hợp, phân tích kỹ thuật, giao dịch qua máy vi tính, điện thoại, máy tính bảng, dịch vụ thông tin SMS và Email,...

## 2. Tình hình tài chính

*a. Tình hình tài sản*

Tổng tài sản của IBSC đã tăng gấp đôi, từ mức 435 tỷ tại thời điểm 31/12/2014 lên 940 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2015, cho thấy quy mô kinh doanh của IBSC đã tăng lên đáng kể. Trong năm 2015, vốn chủ sở hữu đã tăng thêm 387 tỷ đồng (tăng 1,99 lần), chủ yếu là do IBSC đã phát hành tăng vốn điều lệ trong năm nhằm nâng cao tiềm lực tài chính cho các hoạt động tự doanh, dịch vụ khách hàng, và tư vấn. Nợ phải trả tăng thêm 117 tỷ đồng (tăng 3,5 lần), trong đó chủ yếu là các khoản phải trả liên quan đến giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, do hoạt động môi giới của IBSC đang được mở rộng (IBSC không có các khoản vay nợ ngân hàng do gặp khó khăn trong việc cận nguồn vốn từ ngân hàng, dưới tác động của Thông tư 36/2014/TT-NHNN).

*b. Tình hình nợ phải trả*

Tại thời điểm 31/12/2015, tỷ lệ nợ của IBSC ở mức 17,7%, trong đó chủ yếu là các khoản phải trả liên quan đến giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, cho thấy cơ cấu vốn của IBSC khá an toàn do



nguồn vốn kinh doanh chủ yếu được tài trợ từ vốn chủ sở hữu. Các chỉ tiêu về thanh khoản của IBSC đều ở mức an toàn với hệ số thanh khoản hiện hành đạt 5,9 lần. IBSC cũng không có các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động dịch vụ giao dịch ký quỹ. IBSC không vay nợ nên biến động suất trên thị trường không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2015, IBSC đã thực hiện một số cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý, như sau:

- **Từng bước chuyển dần hoạt động tự doanh sang công ty quản lý quỹ:** Năm 2015, IBSC đã mua thành công 77,74% Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí Toàn Cầu nhằm mục đích xây dựng mô hình công ty quản lý quỹ như một ngân hàng đầu tư. Công ty sẽ từng bước chuyển mảng tự doanh, dịch vụ ngân hàng đầu tư sang Công ty Quản lý quỹ để đảm bảo tính chuyên nghiệp, đồng thời giảm xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa khách hàng và nghiệp vụ tự doanh của công ty.
- **Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ và quản trị rủi ro:** Trong năm 2015, IBSC đã tập trung ưu tiên việc chuẩn hóa hoạt động của các phòng, khối kinh doanh bằng việc ban hành các quy định, quy trình nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo sự an toàn cho các hoạt động của công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng của IBSC là tập trung vào mảng ngân hàng đầu tư IB, với các hoạt động chủ chốt như: tư vấn, bảo lãnh phát hành, thu xếp vốn, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. Trên cơ sở phát triển mảng IB làm nền tảng, mảng môi giới vẫn được IBSC chú trọng và công ty đặt mục tiêu trong 5 năm tới sẽ đứng trong top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất.

IBSC cũng dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ lên trên 1.000 tỷ đồng. Mục đích tăng vốn là để nâng cao năng lực tài chính nhằm đáp ứng các điều kiện kinh doanh, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh và bổ sung nguồn lực, mở rộng các hoạt động nghiệp vụ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

(Xem nội dung tại trang 13)

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

#### a. Diễn biến thị trường năm 2015

Năm 2015, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của biến động từ nền kinh tế thế giới như sự suy giảm của TTCK Trung Quốc, vấn đề tỷ giá, dịch chuyển dòng vốn quốc tế, giá dầu lao dốc,... Điều kiện kinh tế vĩ mô trong nước được cải thiện, cùng với một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển TTCK đã được triển khai, đặc biệt là các giải pháp nhằm thu hút dòng vốn gián tiếp nước ngoài, rút ngắn chu kỳ thanh toán từ T+3 xuống T+2, gắn cổ phần hóa và đại chúng hóa với niêm yết/đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán đã giúp TTCK Việt Nam năm 2015 duy trì tương đối ổn định và được đánh giá là điểm sáng thu hút dòng vốn gián tiếp so với các nước trong khu vực. Theo thống kê của UBCKNN, tính đến cuối năm 2015, giá trị vốn hóa của thị trường cổ phiếu đã lên đến 1.360 nghìn tỷ đồng, tương đương 34,5%GDP (mức cao nhất trong



vòng 5 năm qua), giá trị dư nợ trái phiếu đạt khoảng 22%GDP. Tính chung, quy mô thị trường chứng khoán đạt 57% GDP, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Năm qua cũng đánh dấu sự tăng trưởng về quy mô huy động vốn qua TTCK, với mức huy động vốn cao nhất từ trước đến nay. Tổng giá trị huy động vốn qua TTCK năm 2015 ước đạt hơn 300 nghìn tỷ đồng; trong đó, huy động vốn qua đấu thầu trái phiếu đạt hơn 249 nghìn tỷ đồng và phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phần hóa đạt gần 55 nghìn tỷ đồng. Quy mô huy động vốn qua TTCK đáp ứng khoảng 28% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tương đương gần 60% so với cung tín dụng qua thị trường tiền tệ - tín dụng.

Tính cả năm 2015, thị trường có xu hướng tăng với mức tăng 6,1% so với cuối năm 2014, trong khi hầu hết TTCK các nước đều giảm (Mỹ giảm 2,23%, Anh giảm 2,3%, Úc giảm 2,13%; đặc biệt thị trường TTCK khu vực giảm mạnh như Ấn Độ, Malaysia giảm 5%, Indonesia, Thái Lan giảm xấp xỉ 15%). Thanh khoản sụt giảm mạnh nhất trong tháng 9 khi tâm lý của các nhà đầu tư bị ảnh hưởng mạnh bởi lo ngại về sức khỏe của kinh tế của các nước mới nổi và sự rút vốn mạnh mẽ của NĐTNN tại các nước này. Mặc dù vậy, quy mô giao dịch bình quân năm 2015 chỉ giảm nhẹ so với năm 2014, đạt 4.964 tỷ đồng; trong đó cổ phiếu, chứng chỉ quỹ là 2.495 tỷ đồng/phiên và trái phiếu là 2.470 tỷ đồng.

Đặc biệt, thị trường UPCoM năm 2015 đã có sự phát triển vượt bậc về quy mô so với năm 2014 và so với thời điểm mới ra đời. Cụ thể, tính đến cuối năm 2015, thị trường UPCoM có 256 doanh nghiệp với quy mô đăng ký giao dịch (ĐKGD) đạt hơn 50.000 tỷ đồng, vốn hóa thị trường đạt trên 61.000 tỷ đồng, tăng gấp 1,5 lần về số lượng và gấp 2 lần về giá trị so với năm 2014.

#### *b. Tình hình Công ty sau Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2015*

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2015 đã thông qua một số nội dung quan trọng, làm định hướng cho hoạt động và sự phát triển của công ty. Việc sửa đổi Điều lệ Công ty một cách kịp thời theo các quy định mới giúp cho Công ty nắm bắt và tuân thủ nhanh các quy định hiện hành. Công ty đã thực hiện xong phương án tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu nâng vốn điều lệ lên 667.622.970.000 đồng, đồng thời đưa Chi nhánh Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2015. Trong năm qua bộ máy lãnh đạo cao cấp của Công ty được giữ ổn định, cơ cấu tổ chức các phòng ban đi vào hoàn thiện và vận hành thông suốt. Hiện Công ty vẫn tiếp tục hoàn thiện hơn nữa bộ máy cơ cấu tổ chức; ban hành các quy trình, quy chế hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

#### *c. Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị năm 2015*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã nhanh chóng triển khai công việc. Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường xuyên để kịp thời đưa ra những định hướng hoạt động phù hợp và các chỉ đạo đầu tư hợp lý nhằm đáp ứng kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Đồng thời, đưa ra các chỉ đạo nhằm ổn định và hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất của Công ty. Những chỉ đạo của Hội đồng quản trị được đánh giá là kịp thời và chính xác, góp phần quyết định trong các kết quả đạt được của Công ty.

#### *d. Kết quả kinh doanh năm 2015*

Thị trường chứng khoán năm 2015 chứng kiến rất nhiều biến động theo chiều hướng không thật sự thuận lợi và hậu quả đã khiến nhiều công ty chứng khoán có kết quả kinh doanh không như mong đợi. Trong bối cảnh đó, nhờ sự tin tưởng của cổ đông và những nỗ lực không ngừng của tập thể Ban Lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khá khả quan so với các công



ty trong ngành. Doanh thu 2015 đạt hơn 154 tỷ, Lợi nhuận sau thuế 2015 đạt hơn 64 tỷ, tuy mới hoàn thành 78,38% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, nhưng nếu xét trên bình diện toàn thị trường thì cũng là một kết quả rất đáng khích lệ. Đặc biệt, các mảng dịch vụ mà Công ty đặt trọng tâm đã đạt được sự tăng trưởng vượt bậc, trong đó doanh thu từ hoạt động bảo lãnh đạt 8,45 tỷ đồng, tăng 351% so với 2014, doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt 4,18 tỷ đồng, tăng 162% so với 2014. Tại lễ khai trương phiên giao dịch đầu Xuân Bình Thân 2016, Công ty cũng đã được HOSE vinh danh là CTCK có thị phần môi giới tăng trưởng tốt nhất trong năm 2015. Những bước tiến vượt bậc này cho thấy hiệu quả rõ nét trong chiến lược tăng tốc của IBSC.

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh để đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra, IBSC vẫn luôn tích cực xây dựng môi trường kinh doanh theo tiêu chí minh bạch, đáng tin cậy và phát triển bền vững. Do vậy việc thực hiện quản trị rủi ro trong công tác quản trị công ty được nhanh chóng xây dựng. Trên cơ sở đó, IBSC đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện hơn nữa mô hình quản trị rủi ro cho toàn Công ty để nhận diện, đánh giá, giám sát và quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc quản trị rủi ro trong nước và quốc tế.

*e. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

(Xem nội dung tại trang 13)

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty (Ban Điều hành)**

*a. Đánh giá về việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT*

HĐQT đánh giá tích cực hoạt động của Ban điều hành công ty trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT. Ban Điều hành công ty đã nhanh chóng và quyết liệt trực tiếp chỉ đạo toàn thể CBCNV và các bộ phận có liên quan triển khai hoàn thành các nội dung ghi trong các nghị quyết, quyết định. Ban Điều hành duy trì chế độ họp định kỳ, đột xuất để tổng kết công tác thực hiện các nội dung ghi nghị quyết. Ban Điều hành thực hiện tốt công tác trao đổi thông tin, báo cáo định kỳ với HĐQT, Ban kiểm soát về tình hình thực hiện các nội dung trong nghị quyết, quyết định và kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với các vấn đề còn vướng mắc.

*b. Đánh giá công tác điều hành và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh*

Mặc dù kế hoạch kinh doanh năm 2015 chưa đạt được như kỳ vọng vì những lý do khách quan, chủ quan, nhưng theo đánh giá của HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác điều hành và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015.

Trong năm 2015, Ban Điều hành đã thực hiện tốt các công việc sau:

- Điều hành hoạt động của Công ty cẩn trọng, an toàn, hiệu quả;
- Xây dựng, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành và áp dụng cơ cấu tổ chức mới, phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty và thị trường;
- Ban hành lại bộ quy trình nghiệp vụ cho các hoạt động kinh doanh chính của công ty cho phù hợp với điều kiện hoạt động mới của Công ty;
- Sửa đổi, ban hành lại các quy định đã lỗi thời, ban hành các quy định mới đáp ứng được yêu cầu quản trị, điều hành và ngăn ngừa các rủi ro cho Công ty;
- Đưa vào vận hành hệ thống core giao dịch mới với nhiều tính năng hữu ích cho Nhà đầu tư nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty;
- Tuyển dụng được bộ khung nhân sự chủ chốt có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm lâu



nằm trong lĩnh vực chứng khoán;

- Mở rộng mạng lưới, đưa vào hoạt động Chi nhánh Hồ Chí Minh theo đúng kế hoạch.
- Duy trì hệ thống thực thi QTRR, KSNB tốt nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và Khách hàng;
- Đưa ra nhiều quyết sách kịp thời, tháo gỡ các khó khăn của các đơn vị trong quá trình hoạt động;
- Duy trì và từng bước nâng cao được thương hiệu của Công ty trên thị trường;

#### *c. Đánh giá về tuân thủ pháp luật*

Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật chứng khoán, các quy chế của HĐQT ban hành. Hệ thống KSNB đã hoạt động tích cực, các đơn vị, cá nhân từ Hội sở đến Chi nhánh đều có tinh thần tuân thủ pháp luật cao. Trong năm 2015, UBCKNN đã thực hiện đợt kiểm tra định kỳ toàn bộ hoạt động của công ty bao gồm hạch toán kế toán, cung cấp dịch vụ cho Khách hàng, tuân thủ các giới hạn quy định của pháp luật, tuân thủ các quy định về an toàn tài chính, quản trị, điều hành công ty ..... Kết quả đánh giá của Đoàn kiểm tra của UBCK là Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty nghiêm yết trên thị trường.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

#### *a. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2016*

Dự đoán kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm chế, lãi suất ngân hàng không có nhiều biến động và việc tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy thị trường, hoàn thiện hành lang pháp lý; tăng cường minh bạch trên thị trường; chuẩn bị các điều kiện cần thiết đưa thị trường chứng khoán phái sinh đi vào hoạt động; khơi thông dòng vốn trong nước và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài; tiếp tục triển khai các giải pháp nâng hạng thị trường của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là những yếu tố then chốt giúp thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục duy trì được sự ổn định và xu thế phát triển. Với những dự đoán trên và để tiếp tục nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đồng vốn của cổ đông và nhà đầu tư cũng như duy trì và hướng tới vị trí công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động trong năm 2016 sẽ tập trung vào các nội dung sau:

- Tiếp tục ổn định bộ máy tổ chức theo hướng phát triển các nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán: Môi giới, giao dịch, phát triển sản phẩm giá trị gia tăng, dịch vụ tư vấn..
- Nâng cao năng lực hoạt động: Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao dịch, xây dựng đội ngũ tư vấn kinh nghiệm, đội ngũ môi giới chuyên nghiệp; Bổ sung vốn hoạt động nhằm nâng cao năng lực tài chính
- Xây dựng, phát triển thương hiệu và hình ảnh Công ty Chứng khoán IB trong lĩnh vực chứng khoán.

#### *b. Các giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch*

- Tiếp tục củng cố và nâng cao công tác quản trị Công ty đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro của Công ty thông qua việc nâng cao năng lực của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT;
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT độc lập; Nâng cao vai trò của Kiểm toán nội bộ.

- Tập trung hoàn thiện hệ thống Core giao dịch chứng khoán để đáp ứng được yêu cầu của Nhà đầu tư, cá quy định pháp luật về nghiệp vụ phái sinh theo lộ trình của UBCK đề ra, chuẩn hoá hệ thống quy trình nghiệp vụ của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và quy định của pháp luật, đặc biệt là an toàn thông tin, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ,...;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc tiếp tục phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có đồng thời nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Đầu tư chiều sâu tối ưu hoá nghiệp vụ môi giới nhằm gia tăng thị phần đối với các công ty cùng ngành;
- Tiếp tục triển khai thận trọng hoạt động tự doanh;
- Đầu tư phát triển công nghệ và dịch vụ hỗ trợ giao dịch hiện đại, mở rộng có chọn lọc mạng lưới hoạt động;
- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Công ty Quản lý Quỹ IB và các công ty quản lý quỹ khác để triển khai các hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành, dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm nhanh chóng khẳng định và cải thiện vị thế cạnh tranh của IBSC, đồng thời đưa quản lý lý hoạt động tự doanh mang tính chuyên nghiệp hơn.
- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông, cân đối thích hợp với việc điều hành công ty;

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thông tin về Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị của IBSC bao gồm các thành viên sau:

- Ông Ngô Phương Chí, Chủ tịch;
- Ông Nguyễn Văn Tuấn, Phó Chủ tịch;
- Bà Cao Thị Hồng, Thành viên kiêm Tổng giám đốc;
- Ông Lê Khả Tuyên, Thành viên;
- Ông Lê Đăng Thọ, Thành viên độc lập.

Thông tin về các Thành viên HĐQT như sau:

#### **Ông Ngô Phương Chí - Chủ tịch HĐQT**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Quốc tế

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 132.000 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,20%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1988-1990	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Công nghiệp hóa	Cử nhân
1990-1992	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính – Ngân hàng	Cử nhân



Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2000-2002	Trường Đại học Hitotsubashi, Tokyo, Nhật Bản	Tài chính Quốc tế	Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
1992-1993	Văn phòng đại diện Công ty Tico Ltd (Nhật Bản)	Kế toán trưởng
1994-2004	Vụ Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính	Phòng Châu Á Thái Bình Dương
2005-2006	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	Trưởng phòng Tư vấn
2006-2010	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Môi giới, Lưu ký, Phát triển kinh doanh, PR Marketing
2010-2011	Công ty Đầu tư Tài chính Việt Thành	Tổng Giám đốc
2011-2012	Công ty CP Công nghệ và Đầu tư Vinafins	Giám đốc
2012-2013	Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC	Giám đốc
2014-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Chủ tịch HĐQT

Chức danh tại các tổ chức khác:

- Công ty CP EVE: Thành viên HĐQT độc lập

**Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 3.410.000 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 5,11%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2005-2009	Trường Đại học Thương Mại	Thương mại Quốc tế	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2013-nay	Công ty CP Hạ tầng Fecon	Phó chủ tịch HĐQT
2014-2015	Công ty CP FTG Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2014-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Phó chủ tịch HĐQT
2015-nay	Công ty CP Quản lý quỹ IB	Chủ tịch HĐQT

Chức danh tại các tổ chức khác:

- Công ty cổ phần Hạ tầng FECON: Phó chủ tịch HĐQT
- Công ty CP Quản lý quỹ IB: Chủ tịch HĐQT.

**Bà Cao Thị Hồng - Thành viên kiêm Tổng Giám đốc**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 572.000 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,86%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1991-1995	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính Ngân hàng	Cử nhân
2006-2008	Trường Paris Dauphine – ESCP Europe	Tài chính Ngân hàng	Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
1995 – 1998	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Chuyên Viên Phòng Kế Toán
1999 – 2000	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Kế Toán Trưởng – Chi nhánh HCM
2001 – 2002	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Trưởng Phòng Nguồn Vốn và Kinh doanh ngoại tệ
2002 – 2003	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Giám Đốc Chi nhánh Cầu Giấy
2003 – 2006	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Giám Đốc Tài Chính
2006 – 2011	Công ty Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam	Phó Tổng Giám Đốc
2011 – 2013	Ngân hàng Techcombank	Giám Đốc Kinh Doanh Miền Bắc, khối DVTC cá nhân
2013 – 2014	Ngân Hàng Quân Đội	Phó Giám Đốc Khối Đầu tư
2014 – nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Tổng Giám Đốc

Chức danh tại các tổ chức khác: không.

#### **Ông Lê Khả Tuyên - Thành viên**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 88.000 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,13%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1997-2001	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính Ngân hàng	Cử nhân
2005-2007	Trường Đại học George Mason, Mỹ	Quản trị Kinh doanh	Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2001-2005	Ngân hàng Công thương Việt Nam	Chuyên viên Phòng Phát triển sản phẩm – Thị trường
2007-2010	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh Phát hành
2010-2013	Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp Tây Giang	Phó Tổng Giám đốc



Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2014-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Nhân viên
2015-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Thành viên HĐQT

Chức danh tại các tổ chức khác: không.

**Ông Lê Đăng Thọ - Thành viên độc lập**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 145.000 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,22%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1978-1985	Trường Đại học Đường Sắt Moscow, Nga Trường Đại học Luật sở hữu trí tuệ Moscow, Nga	Kỹ sư; Luật sư	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
1985-1991	Cục sở hữu trí tuệ	Cán bộ
1991-nay	Công ty Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển	Giám đốc
2008-nay	Công ty Luật hợp danh Invenco	Giám đốc

Chức danh tại các tổ chức khác:

- Công ty Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển: Giám đốc
- Công ty Luật hợp danh INVENCO: Giám đốc.

*b. Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành 36 cuộc họp, ban hành 43 nghị quyết, quyết định liên quan đến quản trị điều hành công ty, cụ thể như sau:

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	01A/2015/IBSC/NQ-HĐQT	05/01/2015	V/v: mức tham gia đóng BHXH của các thành viên HĐQT
2	01/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	07/01/2015	Góp vốn thành lập Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không
3	02/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	20/01/2015	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
4	02A/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	28/01/2015	Giải thể Hội đồng tư vấn chiến lược và phát triển kinh doanh

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
5	03/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	29/01/2015	Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2015
6	03A/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	09/03/2015	Thông qua Danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP
7	04/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	11/03/2015	Thông qua thời gian, địa điểm và chương trình dự kiến họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
8	05/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	13/03/2015	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHCĐ thường niên 2015
9	06/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	13/03/2015	Phê duyệt các tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2015
10	07/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	31/03/2015	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ban hành các quy định về tổ chức bộ máy và nhân sự trong các Khối
11	08/2015/IBSC/QĐ-HĐQT	01/04/2015	Điều chuyển nhân sự: Ông Dư Văn Toàn từ bộ phận Pháp chế sang bộ phận Kiểm toán nội bộ
12	09/2015/IBSC/NQ-HĐQT	06/05/2015	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, người lao động và chào bán tiếp cổ phiếu còn dư
13	10/2015/IBSC/NQ-HĐQT	07/05/2015	Phân công công việc và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015
14	11/2015/IBSC/NQ-HĐQT	08/05/2015	Về việc chi trả cổ tức năm 2014
15	12/2015/IBSC/NQ-HĐQT	08/05/2015	Thông qua kết quả xử lý cổ phiếu còn dư của đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ
16	12A/2015/IBSC/NQ-HĐQT	12/05/2015	V/v: sửa đổi điều khoản về vốn điều lệ trong điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Chứng khoán IB
17	13/2015/IBSC/NQ-HĐQT	14/05/2015	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2015 (KPMG Vietnam)
18	14/2015/IBSC/NQ-HĐQT	05/06/2015	Đầu tư mua cổ phần Quản lý Quỹ Dầu khí Toàn cầu
19	14A/2015/IBSC/NQ-HĐQT	10/06/2015	Góp vốn thành lập Quỹ đầu tư Khám phá giá trị Ngân hàng Công thương VN
20	15/2015/IBSC/NQ-HĐQT	18/06/2015	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015
21	16/2015/IBSC/NQ-HĐQT	18/06/2015	Bổ nhiệm thư ký HĐQT Công ty
22	17/2015/IBSC/NQ-HĐQT	23/06/2015	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty



TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
23	18/2015/IBSC/BB-HĐQT	24/06/2015	V/v: phê duyệt cho ký hợp đồng hợp tác với BIDV
24	18A/2015/IBSC/NQ-HĐQT	06/07/2015	Giao nhiệm vụ cho Thường trực HĐQT
25	19/2015/IBSC/NQ-HĐQT	09/07/2015	Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của IBSC tại Gpfund
26	20/2015/IBSC/NQ-HĐQT	09/07/2015	Ủy quyền, giao trách nhiệm chỉ đạo, ra quyết định quản lý đầu tư, góp vốn của IBSC vào cty con, công ty chưa niêm yết, công ty liên doanh
27	21/2015/IBSC/NQ-HĐQT	23/07/2015	Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty (Lê Khả Tuyên)
28	21A/2015/IBSC/NQ-HĐQT	03/08/2015	Phụ cấp xăng xe, gửi xe hàng tháng cho TGĐ
29	22/2015/IBSC/NQ-HĐQT	07/08/2015	Phê duyệt chủ trương mua cổ phiếu chào bán thêm của GPFund
30	23/2015/IBSC/NQ-HĐQT	01/09/2015	Thành lập chi nhánh Công ty tại TP.HCM
31	24/2015/IBSC/NQ-HĐQT	01/09/2015	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
32	25/2015/IBSC/QĐ-CTHĐQT	04/09/2015	QĐ thời gian, địa điểm, chương trình dự kiến họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015
33	26/2015/IBSC/NQ-HĐQT	11/09/2015	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHCĐ bất thường 2015
34	27/2015/IBSC/NQ-HĐQT	21/09/2015	Phê duyệt việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc (Ông Đặng Văn Tân)
35	28/2015/IBSC/NQ-HĐQT	01/10/2015	Thông qua sửa đổi điều lệ do tăng vốn điều lệ (Trả cổ tức bằng cổ phiếu)
36	29/2015/IBSC/NQ-HĐQT	07/10/2015	Phê duyệt phương án bảo lãnh phát hành cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình
37	13/2015/IBSC/QĐ-TT.HĐQT	22/10/2015	Giao nhiệm vụ quyền Kế toán trưởng
38	30/2015/IBSC/NQ-HĐQT	28/10/2015	Phê duyệt phương án bảo lãnh phát hành cổ phiếu Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (STG)
39	31/2015/IBSC/NQ-HĐQT	16/11/2015	Điều chỉnh phương án bảo lãnh phát hành cổ phiếu Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (STG)
40	32/2015/IBSC/NQ-HĐQT	26/11/2015	Phê duyệt bổ sung KH đầu tư hạ tầng chi nhánh HCM năm 2015

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
41	33/2015/IBSC/NQ-HĐQT	29/12/2015	Phê duyệt chi lương tháng 13 và lương kinh doanh năm 2015
42	34/2015/IBSC/NQ-HĐQT	31/12/2015	Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ.
43	35/2015/IBSC/NQ-HĐQT	31/12/2015	Thanh lý tài sản cố định, CCDC

HĐQT đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn của mình đối với hoạt động quản trị điều hành công ty trong đó có :

- Giám sát, chỉ đạo Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Xây dựng và ban hành các văn bản, quy định, quy chế quản trị nội bộ,
- Xây dựng chiến lược phát triển công ty theo định hướng chuyên nghiệp, hiệu quả
- Minh bạch trong việc công bố thông tin,
- Chấp hành quy định của pháp luật, điều lệ công ty.
- Đảm bảo quyền lợi cho tất cả các cổ đông và cán bộ nhân viên công ty theo quy chế quy định đã ban hành.

*c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, các tiểu ban trong Hội đồng quản trị*

Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các cuộc họp HĐQT. Trong đó thành viên HĐQT độc lập đã tham mưu, góp ý vào việc bổ sung sửa đổi điều lệ công ty, việc ban hành các văn bản, quy chế tổ chức và hoạt động công ty, các quy trình quy chế quản trị điều hành, góp phần hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ pháp luật, có tính khả thi cao và phù hợp với định hướng phát triển công ty trong kế hoạch trung và dài hạn.

*d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm*

Không có.

## 2. Ban Kiểm soát

*a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát của IBSC bao gồm 03 thành viên:

- Bà Bùi Thị Xuân, Trưởng ban;
- Bà Dương Thị Kim Oanh, thành viên;
- Bà Nguyễn Tú Uyên, thành viên.

Thông tin về thành viên Ban kiểm soát như sau:

**Bà Bùi Thị Xuân – Trưởng Ban Kiểm soát**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0%



Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2006-2010	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kinh tế Nông nghiệp	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2010-2011	Công ty CP Giải pháp VNNP	Kế toán
2012-2014	Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ	Trợ lý kiểm toán viên
2014-nay	Công ty CP FTG Việt Nam	Kế toán
2014-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Ban kiểm soát

**Bà Dương Thị Kim Oanh – Thành viên Ban Kiểm soát**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 5.500 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,01%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2003-2007	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán	Cử nhân
2011	Học viện Tài chính	Kế toán trưởng	Chứng chỉ Kế toán trưởng

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2007-2009	Công ty Kiểm toán ASC	Trợ lý kiểm toán
2009-2014	Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á	Nhân viên Kiểm soát nội bộ
2014-2015	Công ty CP Chứng khoán IB	Nhân viên Kiểm soát nội bộ
2015-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Ban kiểm soát
2015-nay	Công ty CP Quản lý quỹ IB	Nhân viên Kiểm soát nội bộ

**Bà Nguyễn Tú Uyên – Thành viên Ban Kiểm soát**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 5.500 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,01%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2005-2009	Trường Đại học Thương Mại	Quản trị Kinh doanh	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2010-2011	Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt Nam	Xuất nhập khẩu
2011-2012	Công ty CP Truyền thông Việt Nam	Trợ lý kinh doanh
2012-2014	Công ty CP Dịch vụ Onecard Việt Nam	Trợ lý kinh doanh
2014-nay	Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Quang Dương	Trưởng phòng Nhân sự
2015-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Ban kiểm soát

*b. Hoạt động của Ban kiểm soát*

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tổ chức họp 4 lần và kết quả họp như sau:

STT	Ngày họp	Tỉ lệ tham gia	Nội dung	Kết quả họp
1	12/03/2015	3/3	Thông qua báo cáo của BKS trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2015	Nhất trí 100% các nội dung trong cuộc họp
2	15/04/2015	3/3	Bầu trưởng BKS và phân công công việc	Nhất trí 100% các nội dung trong cuộc họp
3	20/07/2015	3/3	Đánh giá hoạt động 06 tháng đầu năm	Nhất trí 100% các nội dung trong cuộc họp
4	15/12/2015	3/3	Đánh giá hoạt động 11 tháng đầu năm 2015	Nhất trí 100% các nội dung trong cuộc họp

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty đối với việc tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của công ty.
- Kiểm tra công tác quản lý và ban hành các văn bản của HĐQT, của ban Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra giám sát việc mua sắm, các khoản chi tiêu theo đúng quy định và định mức chi tiêu của công ty, công tác quản lý tài sản, thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ.
- Kiểm tra/xem xét công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra/giám sát và đánh giá về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, phối hợp với các bộ phận này để cùng thực hiện kiểm tra kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Một số hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS.



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Bảng 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BDH (đơn vị tính: triệu VND)

TT	Họ tên	Chức vụ	Tổng lương, thưởng, thù lao và cả khoản lợi ích khác
1	Ngô Phương Chí	Chủ tịch HĐQT	1.012,13
2	Nguyễn Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT	495,83
3	Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT- TGD	935,57
4	Lê Đăng Thọ	Thành viên HĐQT	120,00
5	Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT	744,91
6	David Frank Woodhuese	Thành viên HĐQT	60,00
7	Bùi Thị Xuân	Trưởng ban KS	72,00
8	Dương Thị Kim Oanh	Thành viên ban KS	167,60
9	Nguyễn Tú Uyên	Thành viên ban KS	36,00
10	Đặng Văn Tân	Phó TGD	177,78
	<b>Cộng</b>		<b>3.761,82</b>

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Bảng 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2015

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Công ty CP FTG Việt Nam	Cổ đông lớn	4.500.000	15,0%	14.343.790	21,48%
Ngô Phương Chí	Chủ tịch HĐQT	-	-	132.000	0,198%
Nguyễn Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT	3.000.000	10,0%	3.410.000	5,11%
Dương Thị Hồng Hạnh	Vợ ông Nguyễn Văn Tuấn	500.000	1,67%	-	-
Lê Đăng Thọ	Thành viên HĐQT	560.000	1,87%	145.000	0,217%
Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT	-	-	572.000	0,857%
Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT	-	-	88.000	0,132%
Lê Thị Thủy	Chị Ông Lê Khả Tuyên	33.000	0,05%	-	-
Trần Thị Hồng Hà	Quyền Kế toán trưởng	-	-	44.000	0,06%

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Nguyễn Huy	Chồng bà Trần Thị Hồng Hà- KTT	136.820	0,20%	-	-
Dương Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	-	5.500	0,007%
Nguyễn Tú Uyên	Thành viên BKS	-	-	5.500	0,007%
Nguyễn Anh Tuấn	Người được UQ CBTT	-	-	33.000	0,05%

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Số TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch/hợp đồng
1	Công ty CP quản lý quỹ IB	Công ty con	Mua cổ phần, góp vốn bổ sung, phí giao dịch mua bán chứng khoán, ủy thác đầu tư
2	Ông Ngô Phương Chí	Chủ tịch HĐQT	Thuê xe ô tô
3	Công ty CP FTG Việt Nam	Cổ đông lớn	Phí giao dịch mua bán chứng khoán, phí tư vấn, phí lưu ký chứng khoán.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo Thường niên là Báo cáo hợp nhất. Báo cáo riêng của Công ty mẹ IBSC được công bố tại trang web của IBSC theo đường dẫn sau:

<http://ibsc.vn/home/Tin-tuc/Chuyen-muc,Quan-he-co-dong-2,Bao-cao-IBSC/IBSC-cong-bo-bao-cao-tai-chinh-nam-2015-cua-cong-ty-me-va-bao-cao-ti-le-an-toan-tai-chinh-nam-2015-da-kiem-toan/>

### 1. Ý kiến kiểm toán

#### **Kính gửi các Cổ đông Công ty CP Chứng khoán IB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty CP Chứng khoán IB ("Công ty") và công ty con bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

#### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty CP Chứng khoán IB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp

nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 2 năm 2015.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-104/10



Phan Anh Quan  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0306-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>834.783.873.273</b>	<b>422.932.886.342</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>124.970.212.332</b>	<b>49.951.166.073</b>
Tiền	111		124.970.212.332	49.951.166.073
<b>II Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>9(a)</b>	<b>374.420.958.327</b>	<b>290.846.323.295</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		385.424.773.721	298.780.842.916
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(11.003.815.394)	(7.934.519.621)
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>10</b>	<b>333.703.313.842</b>	<b>80.584.152.705</b>
Phải thu của khách hàng	131		25.499.927.725	14.793.771.117
Trả trước cho người bán	132		48.889.010.400	77.943.651.060
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		271.750.197.460	-



Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải thu khác	138		182.173.782	528.233.156
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.617.995.525)	(12.681.502.628)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>54.874.101</b>	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.634.514.671</b>	<b>1.551.244.269</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.014.901	43.729.949
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.570.499.770	1.507.514.320
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>104.726.169.867</b>	<b>11.782.335.609</b>
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.103.752.973</b>	<b>7.716.966.145</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.471.055.718	4.152.131.604
<i>Nguyên giá</i>	222		18.761.133.855	15.276.077.555
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.290.078.137)	(11.123.945.951)
Tài sản cố định vô hình	227	12	7.632.697.255	3.564.834.541
<i>Nguyên giá</i>	228		11.864.696.252	7.050.189.252
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.231.998.997)	(3.485.354.711)
<b>II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>51.500.000.000</b>	-
Đầu tư dài hạn khác	258		51.500.000.000	-
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.122.416.894</b>	<b>4.065.369.464</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.314.668.234	643.711.317
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	14	3.618.090.445	3.421.658.147
Tài sản dài hạn khác	268	15	23.730.850.000	-
Lợi thế thương mại	269		9.458.808.215	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>939.510.043.140</b>	<b>434.715.221.951</b>

#### NGUỒN VỐN

<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>163.381.517.298</b>	<b>45.774.136.649</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.881.517.298</b>	<b>45.774.136.649</b>
Phải trả người bán	312		291.441.109	575.006.734
Người mua trả tiền trước	313		610.294.905	3.380.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	12.522.155.946	11.733.743.266
Phải trả người lao động	315		90.545.993	1.209.860.993
Chi phí phải trả	316		384.221.300	124.537.586
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.652.565.967	481.010.635
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	124.330.292.078	28.269.281.995
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	695.440

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.500.000.000</b>	-
Phải trả dài hạn khác	333	18	23.500.000.000	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>776.128.525.842</b>	<b>388.941.085.302</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>776.128.525.842</b>	<b>388.941.085.302</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	667.622.970.000	300.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.462.261.955	2.462.261.955
Quỹ dự phòng tài chính	418		9.634.767.513	6.428.457.080
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		7.172.505.558	3.966.195.125
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		79.396.595.064	76.084.171.142
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.839.425.752	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>939.510.043.140</b>	<b>434.715.221.951</b>

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>5. Ngoại tệ các loại</b>	<b>005</b>	<b>2.375.905</b>	-
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>1.814.206.770.000</b>	<b>251.119.500.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	1.439.998.940.000	238.308.170.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	242.277.420.000	102.929.490.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	1.196.446.030.000	134.195.370.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.275.490.000	1.183.310.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	-	150.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	150.000
6.3 <i>Chứng khoán cầm cố</i>	017	141.729.520.000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	141.729.520.000	-
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	105.212.080.000	12.811.000.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	68.971.000.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	36.241.080.000	12.811.000.000
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	172.750.000	180.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	172.750.000	180.000



6.8.	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	127.093.480.000	-
6.8.2.	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	127.093.480.000	-

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>			
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.856.642.093	2.256.321.032
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	20	131.136.540.304	123.988.205.815
Doanh thu hoạt động bảo lãnh	01.3		8.454.900.000	1.874.400.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.175.188.963	1.595.675.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		927.991.825	141.055.429
Doanh thu khác	01.9	21	14.616.647.099	9.526.425.579
<b>2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>166.167.910.284</b>	<b>139.382.082.855</b>
<b>3. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>57.999.182.822</b>	<b>27.831.880.170</b>
<b>4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>108.168.727.462</b>	<b>111.550.202.685</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>23</b>	<b>22.988.335.379</b>	<b>13.507.845.782</b>
<b>6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>85.180.392.083</b>	<b>98.042.356.903</b>
7. Thu nhập khác	31		3.911.111.904	54.545.454
8. Chi phí khác	32		382.728.800	422.325.649
<b>9. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>3.528.383.104</b>	<b>(367.780.195)</b>
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>88.708.775.187</b>	<b>97.674.576.708</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>24</b>	<b>15.208.820.577</b>	<b>18.350.674.205</b>
<b>12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>73.499.954.610</b>	<b>79.323.902.503</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty	61		71.244.365.633	79.323.902.503
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.255.588.977	-
<b>13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>1.382</b>	<b>2.644</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015  
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Chi tiêu	Mã số	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	88.708.775.187	97.674.576.708
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	2.915.767.267	2.624.402.329
Các khoản dự phòng	03	3.005.788.670	7.749.913.037
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.580.392.400)	(3.358.981.327)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>83.049.938.724</b>	<b>104.689.910.747</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(359.839.412.881)	(385.347.783.898)
Biến động hàng tồn kho	10	(54.874.101)	-
Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	123.871.373.691	20.089.475.726
Biến động chi phí trả trước	12	(2.691.241.869)	(210.708.654)
		(155.664.216.436)	(260.779.106.079)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.715.327.689)	(262.647)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(170.379.544.125)</b>	<b>(260.779.368.726)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.630.851.300)	(2.844.249.882)
Tiền thu hồi từ bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	67.057.124.535
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.500.000.000)	-
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.580.392.400	7.264.201.474
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)		(12.980.950.716)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(61.531.409.616)</b>	<b>71.477.076.127</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	306.930.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	185.543.344.722	398.491.660.285
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185.543.344.722)	(398.491.660.285)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>306.930.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>75.019.046.259</b>	<b>(189.302.292.599)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	49.951.166.073	239.253.458.672
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60) (Thuyết minh 7)	70	124.970.212.332	49.951.166.073



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm		
	1/1/2014	1/1/2015	2014		2015		31/12/2014	31/12/2015	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	667.622.970.000	
Quỹ đầu tư phát triển	2.462.261.955	2.462.261.955	-	-	-	-	2.462.261.955	2.462.261.955	
Quỹ dự phòng tài chính	2.462.261.955	6.428.457.080	3.966.195.125	-	3.206.310.433	-	6.428.457.080	9.634.767.513	
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	3.966.195.125	3.966.195.125	-	3.206.310.433	-	3.966.195.125	7.172.505.558	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.692.658.889	76.084.171.142	79.323.902.503	(7.932.390.250)	71.244.365.633	(67.931.941.711)	76.084.171.142	79.396.595.064	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	9.839.425.752	-	-	-	9.839.425.752
	<b>309.617.182.799</b>	<b>388.941.085.302</b>	<b>87.256.292.753</b>	<b>(7.932.390.250)</b>	<b>455.119.382.251</b>	<b>(67.931.941.711)</b>	<b>388.941.085.302</b>	<b>776.128.525.842</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

### (1) Đơn vị báo cáo

#### (a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với tên gọi là Công ty Chứng khoán Vincom. Công đã chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần chứng khoán IB từ ngày 21 tháng 5 năm 2014.

#### (b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

#### (c) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 667.622.970.000 VND (31/12/2014: 300.000.000.000 VND).

#### (d) Niêm yết

Từ ngày 29 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu chứng khoán niêm yết là VIX. Số lượng cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 66.762.297 cổ phiếu VIX (31/12/2014: 300.000.000 cổ phiếu), tương ứng với số vốn điều lệ nêu trên.

#### (e) Công ty con

Trong năm, Công ty tiến hành các thủ tục để mua cổ phần tương đương 77,73% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB, một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 536/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận giao dịch chuyển nhượng mua cổ phần này.

Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Giấy phép Thành lập và hoạt động	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Giấy phép Thành lập và hoạt động ban đầu số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008  Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2015	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán	57,25 tỷ VND	77,73%

#### (f) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 76 nhân viên (31/12/2014: 35 nhân viên).

### (2) Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh



ng nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 ("Thông tư 95") và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 ("Thông tư 162") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**(3) Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

**(4) Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu

cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(iv) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các



khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Tập đoàn.

**(d) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán**

**(i) Phân loại**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm:

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn: bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích tự doanh và được gọi là chứng khoán thương mại; và
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác: là danh mục đầu tư ủy thác mà công ty được hưởng toàn bộ lợi ích và chịu toàn bộ rủi ro từ các chứng khoán thuộc danh mục.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư góp vốn các đơn vị khác.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản góp vốn có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài chứng khoán thương mại).

**(ii) Ghi nhận và dừng ghi nhận**

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Tập đoàn chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch). Tập đoàn ghi nhận giá trị ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

**(iii) Đo lường**

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo nguyên giá (giá gốc) trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Nguyên giá của chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 ("Thông tư 146"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh là giá đóng cửa trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên hệ thống tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường

làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp Tập đoàn không thu thập đủ 3 báo giá hoặc chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành.

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy móc thiết bị	4 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	10 năm
▪ thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
▪ tài sản khác	4 - 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**



Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 15 năm.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua là giá trị có thể thu hồi được do Ban điều hành xác định.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm.

**(j) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phân ánh theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn

trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

**(m) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

**(n) Các quỹ dự trữ pháp định**

Tập đoàn sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi đã bù đắp lỗ năm trước (nếu có) để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ được trích lập hàng năm theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**(o) Doanh thu**

**(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành. Phí giao dịch môi giới được tính trên giá trị giao dịch của nhà đầu tư tại mức tối thiểu 0,1% đối với trái phiếu và 0,15% đối với cổ phiếu.

**(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Tập đoàn nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

**(iv) Doanh thu khác**

Doanh thu khác bao gồm thu nhập tiền lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Doanh thu từ tiền lãi ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp



các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Tập đoàn có 5 lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Môi giới và dịch vụ khách hàng: phụ trách các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán và quản lý tài khoản cho nhà đầu tư.
- Tự doanh: chuyên các hoạt động mua bán chứng khoán trên thị trường.
- Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành: chuyên tổ chức triển khai các hoạt động tư vấn tài chính liên quan đến doanh nghiệp, các dự án đầu tư và các hoạt động nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Quản lý quỹ: là bộ phận phụ trách thực hiện các hoạt động quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư.
- Các bộ phận khác.

Tập đoàn hiện tại hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu các bên đều dưới quyền kiểm soát chung hoặc chịu cùng ảnh hưởng đáng kể như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 – *Thông tin về các bên có liên quan*.

**(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95 và Thông tư 162 được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(t) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95 và Thông tư 162 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(5) Báo cáo bộ phận

Năm kết thúc ngày 31/12/2015

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Quản lý quỹ	Các bộ phận khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	16.766.925.929	131.136.540.304	4.175.188.963	21.619.999	14.067.635.089	166.167.910.284
Chi phí trực tiếp	(2.443.187.278)	(45.752.156.589)	-	-	(9.803.838.955)	(57.999.182.822)
Chi phí gián tiếp	(2.236.502.437)	(17.492.007.374)	(556.919.040)	(826.456.409)	(1.876.450.119)	(22.988.335.379)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	12.087.236.214	67.892.376.341	3.618.269.923	(804.836.410)	2.387.346.015	85.180.392.083
Thu nhập khác						3.911.111.904
Chi phí khác						(382.728.800)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(15.208.820.577)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						<b>73.499.954.610</b>

Tại ngày 31/12/2015

Tài sản bộ phận	148.607.029.879	538.216.882.785	-	23.729.175.323	54.874.101	710.607.962.088
Tài sản phân bổ	20.988.073.246	164.448.670.520	5.226.311.140	20.629.802.072	17.609.224.074	228.902.081.052
Tổng tài sản						939.510.043.140
Nợ phải trả bộ phận	124.821.424.440	610.294.905	-	-	384.221.300	125.815.940.645
Nợ phải trả phân bổ	1.409.549.017	10.945.850.232	350.996.571	176.553.720	24.682.627.113	37.565.576.653
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>163.381.517.298</b>



Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Quản lý quỹ	Các bộ phận khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	2.836.228.739	123.988.205.815	1.595.675.000	-	10.961.973.301	139.382.082.855
Chi phí trực tiếp	(951.762.255)	(21.425.699.953)	-	-	(5.454.417.962)	(27.831.880.170)
Chi phí gián tiếp	(228.193.961)	(12.419.506.902)	(193.223.601)	-	(666.921.318)	(13.507.845.782)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.656.272.523	90.142.998.960	1.402.451.399	-	4.840.634.021	98.042.356.903
Thu nhập khác						54.545.454
Chi phí khác						(422.325.649)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(18.350.674.205)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						<b>79.323.902.503</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>						
Tài sản bộ phận	20.751.836.239	363.136.493.624	327.442.500	-	18.136.933	384.233.909.296
Tài sản phân bổ	817.192.893	44.905.968.222	577.920.540	-	4.180.231.000	50.481.312.655
Tổng tài sản						434.715.221.951
Nợ phải trả bộ phận	13.156.939.297	3.380.000.000	-	-	124.537.586	16.661.476.883
Nợ phải trả phân bổ	497.250.928	27.324.680.100	156.889.102	-	1.133.839.636	29.112.659.766
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>45.774.136.649</b>

**(6) Hợp nhất kinh doanh**

Như được trình bày tại Thuyết minh 1, trong năm Công ty tiến hành các thủ tục mua lại 2.225.000 cổ phần, tương đương 74,17% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dầu khí Toàn Cầu, một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 536/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận giao dịch chuyển nhượng mua cổ phần. Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dầu khí Toàn Cầu bao gồm quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty đã hoàn tất việc thanh toán 15.260.000.000 VND để mua 2.225.000 cổ phần có quyền biểu quyết (tương đương 74,17% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB tại giá trị hợp lý là 5.046.563.354 VND. Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến thời điểm hợp nhất vào Tập đoàn, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB không phát sinh doanh thu và thu nhập, đồng thời không có lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế. Trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 6 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động kinh doanh được mua lại đã đóng góp 10,13 tỷ VND lợi nhuận sau thuế vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.279.049.284	-	2.279.049.284
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.525.000.000	-	4.525.000.000
Tài sản thuần có thể xác định được	6.804.049.284	-	6.804.049.284
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			10.213.436.646
Khoản thanh toán cho việc mua lại			15.260.000.000
Khoản tiền thu được			(2.279.049.284)
Khoản tiền thanh toán thuần			12.980.950.716

Theo Giấy phép Điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK cấp ngày 3 tháng 9 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận việc đổi tên và tăng vốn của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB lên 57.250.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tăng lên 77,73%.

**(7) Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Tiền</b>		
Tiền mặt của Tập đoàn	102.029.001	18.136.933
Tiền gửi ngân hàng:	124.868.183.331	49.933.029.140
<i>Trong đó:</i>		
Tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn	1.076.494.578	21.711.060.826



Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư:	123.791.688.753	28.221.968.314
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư) (Thuyết minh 17)	19.353.718.822	12.859.897.657
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	104.437.969.931	15.362.070.657
	<b>124.970.212.332</b>	<b>49.951.166.073</b>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có số ngoại tệ trị giá 2.375.905 VND (31/12/2014: không có).

**(8) Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	2015		2014	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện
		Nghìn VND		Nghìn VND
Của Tập đoàn	132.418.008	2.045.897.159	69.245.300	1.231.301.853
Cổ phiếu	132.418.008	2.045.897.159	68.745.300	1.181.301.853
Trái phiếu	-	-	500.000	50.000.000
Của nhà đầu tư	351.324.768	4.782.384.454	105.532.237	1.504.213.813
Cổ phiếu	351.324.718	4.777.384.454	105.532.237	1.504.213.813
Trái phiếu	50	5.000.000	-	-
	<b>483.742.776</b>	<b>6.828.281.613</b>	<b>174.777.537</b>	<b>2.735.515.666</b>

**(9) Tình hình đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	372.959.523.978	267.577.876.736
Đầu tư ngắn hạn khác	12.465.249.743	31.202.966.180
	385.424.773.721	298.780.842.916
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)	(11.003.815.394)	(7.934.519.621)
	<b>374.420.958.327</b>	<b>290.846.323.295</b>

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	7.934.519.621	101.062.719
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 22)	3.069.295.773	7.833.456.902
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<b>11.003.815.394</b>	<b>7.934.519.621</b>

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
			31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không (i)	150.000	0,6%	1.500.000.000	-
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (ii)	5.000.000	50%	50.000.000.000	-
			<b>51.500.000.000</b>	-

- (i) Theo cam kết góp vốn thành lập công ty ngày 7 tháng 4 năm 2015 giữa các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không ("ACS"), Tập đoàn sẽ góp 25 tỷ VND chiếm 10% sở hữu vào ACS. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã góp đủ 25 tỷ VND.

Theo thỏa thuận hợp tác ký kết giữa Tập đoàn và một đối tác của Tập đoàn, trong phần góp vốn trị giá 25 tỷ VND (tương đương 10% sở hữu) do Tập đoàn đầu tư vào ACS, Tập đoàn đóng góp 1,5 tỷ VND (tương đương 0,6% sở hữu) và đối tác đóng góp 23,5 tỷ VND (tương đương 9,4% sở hữu). Mỗi bên nhận toàn bộ lợi ích và chịu toàn bộ rủi ro đối với phần đầu tư của mình. Khoản tiền đã nhận được từ đối tác hợp tác và đã chuyển cho ACS được ghi nhận tương ứng là phải trả dài hạn khác (Thuyết minh (18) ) và tài sản dài hạn khác (Thuyết minh (15) ).

- (ii) Do có ảnh hưởng đáng kể với 50% sở hữu, Tập đoàn hạch toán khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



(c) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được năm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31/12/2015 (số dư cuối năm) và ngày 01/01/2015 (số dư đầu năm) như sau:

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị	
		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		(Giảm)		theo giá trị trường	
		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
(cổ phiếu)	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>		<b>372.959.523.978</b>	<b>267.577.876.736</b>	<b>30.338.945.389</b>	<b>2.382.674.800</b>	<b>(11.003.815.394)</b>	<b>(7.934.519.621)</b>	<b>392.294.653.973</b>	<b>262.026.031.915</b>
(a) Cổ phiếu niêm yết		175.187.927.540	264.399.306.890	8.073.933.323	2.382.661.850	(10.997.673.663)	(7.757.593.540)	172.264.187.200	259.024.375.200
CJC	364.000	-	15.020.000.000	-	996.000.000	-	-	16.016.000.000	-
MAC	301.300	-	3.358.189.977	-	-	(164.409.977)	-	3.193.780.000	-
MHC	2.911.110	9	49.693.553.353	69.276	-	74.724	(5.153.570.353)	44.539.983.000	144.000
PCT	559.100	270.000	4.945.568.695	1.861.000.000	1.372.261.305	110.000.000	-	6.317.830.000	1.971.000.000
QBS	2.068.610	1.510.040	20.140.333.035	22.448.857.000	-	-	(1.936.565.035)	18.203.768.000	21.140.560.000
S99	1.720.481	77	13.006.310.137	784.900	-	31.300	(3.027.520.337)	9.978.789.800	816.200
SDA	867.158	69	7.383.896.385	1.222.585	-	-	(13.053.385)	7.370.843.000	517.500
TET	129.400	500.000	2.678.580.000	10.500.000.000	-	-	(168.220.000)	2.510.360.000	9.750.000.000
GTN	3.419.273	-	54.366.429.979	-	2.735.429.121	-	-	57.101.859.100	-
VHG	599.000	-	4.522.500.000	-	-	(509.200.000)	-	4.013.300.000	-
Khác	172.375	7.449.382	72.565.979	229.587.373.129	2.970.242.897	2.272.555.826	(5.698.591.455)	3.017.674.300	226.161.337.500
(b) Cổ phiếu chưa niêm yết		197.771.596.438	3.178.569.846	22.265.012.066	12.950	(6.141.731)	(176.926.081)	220.030.466.773	3.001.656.715
DDV	6.841.199	-	85.513.276.403	-	4.106.430.497	-	-	89.619.706.900	-
GEX	2.955.000	-	52.380.304.176	-	15.584.695.824	-	-	67.965.000.000	-
SPSC (*)	450.000	-	4.500.000.000	-	-	-	-	4.500.000.000	-
SD3	951.100	-	6.866.606.705	-	1.027.523.295	-	-	7.894.130.000	-
VTX	3.005.500	-	39.052.800.000	-	1.521.450.000	-	-	40.574.250.000	-

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		(Giảm)		theo giá trị trường	
		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
	(cổ phiếu)	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khác	795.436	250.236	3.178.569.846	24.912.450	12.950	(6.141.731)	(176.926.081)	9.477.379.873	3.001.656.715
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>12.465.249.743</b>	<b>31.202.966.180</b>					<b>12.465.249.743</b>	<b>31.202.966.180</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng									
		-	25.000.000.000	-	-	-	-	-	25.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác									
		12.465.249.743	6.202.966.180	-	-	-	-	12.465.249.743	6.202.966.180
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>51.500.000.000</b>						<b>51.500.000.000</b>	
Quý đầu tư khám phá giá trị									
Ngân hàng Công thương Việt Nam									
		50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không									
		1.500.000.000	-	-	-	-	-	1.500.000.000	-

(\*) Do không có đủ ba báo giá để xác định chắc chắn giá trị trường, những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.



**(10) Phải thu ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>25.499.927.725</b>	<b>14.793.771.117</b>
<i>Trong đó:</i>		
▪ Phải thu nhà đầu tư (i)	14.236.264.583	14.268.943.715
▪ Phải thu hoạt động đầu tư	10.951.481.324	-
▪ Phải thu khác	312.181.818	524.827.402
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>48.889.010.400</b>	<b>77.943.651.060</b>
<i>Trong đó:</i>		
▪ Thanh toán tiền mua cổ phần theo Thông báo Kết quả đấu giá của Sở Giao dịch Chứng khoán	-	73.800.000.000
▪ Trả trước cho người bán để mua chứng khoán	48.772.180.400	4.143.651.060
▪ Trả trước cho người bán khác	116.830.000	-
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>271.750.197.460</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>		
▪ Phải thu giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	121.429.108.050	-
▪ Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	25.247.470.953	-
▪ Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	123.962.110.000	-
▪ Phải thu khác	1.111.508.457	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>182.173.782</b>	<b>528.233.156</b>
<i>Trong đó:</i>		
▪ Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	488.343.042
▪ Phải thu khác	182.173.782	39.890.114
	346.321.309.367	93.265.655.333
Dự phòng phải thu khó đòi (ii)	(12.617.995.525)	(12.681.502.628)
	333.703.313.842	80.584.152.705

(i) Đây là các khoản phải thu nhà đầu tư do Tập đoàn đã ứng trước tiền cho khách hàng để mua bán chứng khoán và các khoản chênh lệch chờ xử lý đã quá hạn trên 3 năm. Tập đoàn đã trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này theo quy định của Thông tư 228 và Thông tư 89.

(ii) Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	12.681.502.628	12.765.046.493
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 23)	(63.507.103)	(83.543.865)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	12.617.995.525	12.681.502.628

**(11) Tài sản cố định hữu hình**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nguyên giá	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	11.230.143.131	2.679.053.700	803.349.650	563.531.074	15.276.077.555
Tăng trong năm	2.156.230.000	-	599.150.000	1.060.964.300	3.816.344.300
Phân loại lại	-	-	-	(331.288.000)	(331.288.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	13.386.373.131	2.679.053.700	1.402.499.650	1.293.207.374	18.761.133.855
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại ngày 1/1/2015	9.612.505.325	184.281.913	763.627.639	563.531.074	11.123.945.951
Hao mòn trong năm	1.783.562.745	267.905.376	17.373.881	100.280.979	2.169.122.981
Phân loại lại	-	-	-	(2.990.795)	(2.990.795)
Số dư tại ngày 31/12/2015	11.396.068.070	452.187.289	781.001.520	660.821.258	13.290.078.137
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư tại ngày 1/1/2015	1.617.637.806	2.494.771.787	39.722.011	-	4.152.131.604
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.990.305.061	2.226.866.411	621.498.130	632.386.116	5.471.055.718

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 13.941.978.334 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 5.674.714.743 VND).



Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư tại ngày 1/1/2014	11.104.733.131	-	920.375.034	563.531.074	12.588.639.239
Tăng trong năm	125.410.000	2.679.053.700	39.786.182	-	2.844.249.882
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(156.811.566)	-	(156.811.566)
Số dư tại ngày 31/12/2014	11.230.143.131	2.679.053.700	803.349.650	563.531.074	15.276.077.555
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại ngày 1/1/2014	7.628.482.320	-	871.809.706	563.531.074	9.063.823.100
Hao mòn trong năm	1.984.023.005	184.281.913	27.815.803	-	2.196.120.721
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(135.997.870)	-	(135.997.870)
Số dư tại ngày 31/12/2014	9.612.505.325	184.281.913	763.627.639	563.531.074	11.123.945.951
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư tại ngày 1/1/2014	3.476.250.811	-	48.565.328	-	3.524.816.139
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.617.637.806	2.494.771.787	39.722.011	-	4.152.131.604

**(12) Tài sản cố định vô hình****Phần mềm máy vi tính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	7.050.189.252	7.050.189.252
Tăng trong năm	4.814.507.000	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>11.864.696.252</u>	<u>7.050.189.252</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.485.354.711	3.057.073.103
Hao mòn trong năm	746.644.286	428.281.608
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>4.231.998.997</u>	<u>3.485.354.711</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.564.834.541	3.993.116.149
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>7.632.697.255</u>	<u>3.564.834.541</u>

**(13) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh công cụ dụng cụ chờ phân bổ của Tập đoàn. Biến động của chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ trong năm như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư tại ngày 1 tháng 1	643.711.317	454.032.612
Tăng trong năm	3.917.063.084	1.015.460.863
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(1.246.106.167)</u>	<u>(825.782.158)</u>
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>3.314.668.234</u>	<u>643.711.317</u>

**(14) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.421.658.147	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	-	2.524.187.610



	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Tiền lãi phân bổ	196.432.298	777.470.537
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>3.618.090.445</u>	<u>3.421.658.147</u>

**(15) Tài sản dài hạn khác**

Bao gồm trong tài sản dài hạn khác là khoản tiền 23,5 tỷ VND do Công ty thay mặt cho đối tác hợp tác đầu tư góp vốn vào ACS theo thỏa thuận hợp tác đầu tư (Thuyết minh 9(b)(i)).

**(16) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>31/12/2014 VND</b>
<i>Phải nộp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.645.288.025	11.151.795.137
Thuế thu nhập cá nhân	841.254.454	505.312.457
Thuế giá trị gia tăng	35.613.467	76.635.672
	<u>12.522.155.946</u>	<u>11.733.743.266</u>

Biến động thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015</b>	<b>1/1/2015 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp trong năm VND</b>	<b>31/12/2015 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.151.795.137	15.208.820.577	(14.715.327.689)	11.645.288.025
Thuế thu nhập cá nhân	505.312.457	2.321.282.539	(1.985.340.542)	841.254.454
Thuế giá trị gia tăng	76.635.672	248.397.001	(289.419.206)	35.613.467
	<u>11.733.743.266</u>	<u>17.778.500.117</u>	<u>(16.990.087.437)</u>	<u>12.522.155.946</u>

<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2014</b>	<b>1/1/2014 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp trong năm VND</b>	<b>31/12/2014 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.198.616.421)	18.350.674.205	(262.647)	11.151.795.137
Thuế thu nhập cá nhân	41.182.660	1.302.744.471	(838.614.674)	505.312.457
Thuế giá trị gia tăng	101.753.152	166.112.953	(191.230.433)	76.635.672
Các loại thuế khác	56.405.856	3.001.000	(59.406.856)	-
	<u>(6.999.274.753)</u>	<u>19.822.532.629</u>	<u>(1.089.514.610)</u>	<u>11.733.743.266</u>

**(17) Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư) (Thuyết minh 7)	19.353.718.822	12.859.897.657
Phải trả Sở Giao dịch và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	104.976.573.256	15.409.384.338
	<b>124.330.292.078</b>	<b>28.269.281.995</b>

**(18) Phải trả dài hạn khác**

Đây là khoản phải trả đối tác liên quan đến khoản góp vốn vào ACS (Thuyết minh 9(b)(i)).

**(19) Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>	66.762.297	667.622.970.000	30.000.000	300.000.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	66.762.297	667.622.970.000	30.000.000	300.000.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Tập đoàn.

**(20) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn**

	2015	2014
	VND	VND
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	119.556.147.904	120.629.224.488
Thu nhập cổ tức (Thuyết minh 24)	11.580.392.400	1.567.314.661
Thu nhập lãi trái phiếu	-	1.791.666.666
	<b>131.136.540.304</b>	<b>123.988.205.815</b>

**(21) Doanh thu khác**

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập từ cho vay ký quỹ	8.426.510.680	579.907.707
Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán	1.483.773.156	443.667.368
Thu nhập lãi tiền gửi	4.682.374.607	8.255.140.209
Doanh thu khác	23.988.656	247.710.295
	<b>14.616.647.099</b>	<b>9.526.425.579</b>



**(22) Chi phí hoạt động kinh doanh**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.443.187.278	951.762.255
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	42.682.860.816	13.592.243.051
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	504.362.900	414.676.047
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán (Thuyết minh 9)	3.069.295.773	7.833.456.902
Lương và các chi phí liên quan	5.040.936.899	1.979.678.856
Chi phí hao mòn tài sản cố định	2.047.235.753	2.242.339.260
Chi phí khác	2.211.303.403	817.723.799
	<b>57.999.182.822</b>	<b>27.831.880.170</b>

**(23) Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.524.481.887	6.413.622.755
Chi phí vật liệu quản lý	347.390.251	131.244.524
Chi phí công cụ dụng cụ	1.236.253.468	347.929.979
Chi phí thuê văn phòng	3.383.147.726	1.139.539.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	868.531.514	382.063.069
Thuế, phí và lệ phí	1.638.068.109	371.442.225
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 10)	(63.507.103)	(83.543.865)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.156.739.068	1.886.289.844
Chi phí khác	4.142.602.028	2.919.258.156
Phân bổ lợi thế thương mại	754.628.431	-
	<b>22.988.335.379</b>	<b>13.507.845.782</b>

**(24) Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm báo cáo hiện tại	15.208.820.577	18.350.674.205

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	88.708.775.187	97.674.576.708
Thuế theo thuế suất của Tập đoàn	19.515.930.541	21.488.406.876
Chi phí không được khấu trừ thuế	312.279.447	-

	2015 VND	2014 VND
Nợ thiếu trong các năm trước	161.208.683	-
Thu nhập được miễn thuế (*)	(2.547.686.328)	(344.809.226)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.232.911.766)	(2.792.923.445)
	<b>15.208.820.577</b>	<b>18.350.674.205</b>

(\*) Bao gồm trong đó là cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị 11.580.392.400 VND theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2014: 1.567.314.661 VND) (Thuyết minh (20)).

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Chênh lệch tạm thời	Giá trị thuế	Chênh lệch tạm thời	Giá trị thuế
	VND	VND	VND	VND
Lỗ tính thuế tại công ty con	6.250.986.138	1.250.197.228	-	-

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ
		VND
2016	Chưa quyết toán	2.994.354.918
2017	Chưa quyết toán	2.338.992.092
2018	Chưa quyết toán	917.638.128
		<b>6.250.985.138</b>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp bởi vì công ty con không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**(25) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty là 71.244.365.633 VND (2014: 79.323.902.503 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 51.543.313 cổ phiếu (2014: 30.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:



**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	71.244.365.633	79.323.902.503

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	21.543.313	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	51.543.313	30.000.000

**(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.382	2.644

**(26) Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Tập đoàn nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	1.076.494.578	21.711.060.826
Đầu tư ngắn hạn khác	(i)	-	25.000.000.000
Phải thu khách hàng	(ii)	25.499.927.725	14.793.771.117

		31/12/2015	31/12/2014
		VND	VND
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(iii)	271.750.197.460	-
Các khoản phải thu khác		184.118.226	528.233.156
Tài sản ngắn hạn khác		1.570.499.770	1.507.514.320
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		3.618.090.445	3.421.658.147
		<u>303.399.354.112</u>	<u>66.962.237.566</u>

(i) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn khác*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban điều hành không nhận thấy rủi ro trọng yếu nào liên quan đến các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này sẽ mất khả năng trả nợ và gây ra tổn thất tài chính cho Tập đoàn.

(ii) *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm được trình bày tại Thuyết minh 10.

(iii) *Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán*

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán chủ yếu bao gồm các khoản cho khách hàng vay giao dịch ký quỹ. Tập đoàn giới hạn số dư cho vay tối đa, tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì tương ứng là 50% và 35%.

(b) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	Từ 2 đến 5 năm
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán	291.441.109	291.441.109	291.441.109	-
Chi phí phải trả	384.221.300	384.221.300	384.221.300	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.652.565.967	1.652.565.967	1.652.565.967	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	124.330.292.078	124.330.292.078	124.330.292.078	-



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	Từ 2 đến 5 năm
	VND	VND	VND	VND
Phải trả dài hạn khác	23.500.000.000	23.500.000.000	-	23.500.000.000
	150.158.520.454	150.158.520.454	126.658.520.454	23.500.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	575.006.734	575.006.734	575.006.734
Chi phí phải trả	124.537.586	124.537.586	124.537.586
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	481.010.635	481.010.635	481.010.635
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	28.269.281.995	28.269.281.995	28.269.281.995
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	695.440	695.440	695.440
	29.450.532.390	29.450.532.390	29.450.532.390

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Rủi ro về tỷ giá hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không trọng yếu và Tập đoàn không có các trạng thái trọng yếu đối với các loại tiền tệ khác VND là đồng tiền hạch toán của Tập đoàn.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tập đoàn.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn của Tập đoàn	1.076.494.578	21.711.060.826
Đầu tư ngắn hạn khác	-	25.000.000.000
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.618.090.445	3.421.658.147
	<b>4.694.585.023</b>	<b>50.132.718.973</b>

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ. Ban điều hành theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và tất cả các quyết định mua và bán đều phải được Thường trực Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chứng khoán kinh doanh của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Tập đoàn là 172.264.187.200 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 13% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn sẽ tăng 7.210.833.748 VND hoặc giảm 13.612.860.066 VND.

(27) **Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban điều hành</b>				
Chi phí lương và phụ cấp	3.421.411.555	2.192.641.168	-	-
Chi phí thuê xe	192.000.000	-	-	-
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư trái phiếu	197.446.380	-	-	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại FTG – cổ đông lớn</b>				
Doanh thu từ phí giao dịch	29.124.900	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	100.000.000	-	110.000.000	-
Doanh thu từ lãi UTTB CK	19.633.195	-	-	-
Doanh thu phí giao dịch ký quỹ	98.046.082	-	-	-
Doanh thu từ phí lưu ký	2.646.333	-	-	-

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC  
CAO THỊ HỒNG